

Số: 76 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 5 năm 2013

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGAI	
CV ĐẾN	Số:.....2928.....
	Ngày: 10 / 5 / 13
	Chuyên:.....

BÁO CÁO

Về Dự án đầu tư khai thác và chế biến quặng Graphit tại mỏ graphit Hưng Nhượng của Công ty Cổ phần khai thác và chế biến graphit Quảng Ngãi

Công ty Cổ phần khai thác và chế biến graphit Quảng Ngãi là doanh nghiệp được UBND tỉnh Quảng Ngãi thống nhất lập hồ sơ thủ tục cấp phép hoạt động khoáng sản tại mỏ graphit Hưng Nhượng thuộc địa phận các xã Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh và Trà Tân, huyện Trà Bồng tại Công văn số 1371/UBND-NNTN ngày 23/5/2011 (ngoài vị trí cấp giấy phép cho Công ty Nobel Oil - CHLB Nga).

Mỏ Graphit Hưng Nhượng là mỏ có trong danh sách Quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng nhóm khoáng chất công nghiệp (serpentin, barit, grafit, fluorit, bentonit, diatomit và talc) đến năm 2015, có xét đến năm 2025 đã được Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định 41/2008/QĐ-BCT ngày 17/11/2008; theo quy định của Luật Khoáng sản 2010 thì thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động mỏ khoáng sản này thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên, đây là Dự án hoạt động trên địa bàn tỉnh với quy mô diện tích chiếm đất khoảng 35,28 ha, căn cứ theo Quyết định số 353/QĐ-UBND ngày 13/3/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 25/4/2011 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Chương trình hành động số 18-CTr/TU ngày 13/12/2011 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết 02-NQ/TW ngày 25/4/2011, UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo về Dự án như sau:

1. Thông tin về doanh nghiệp

- Tên Doanh nghiệp: Công ty Cổ phần khai thác và chế biến graphit Quảng Ngãi;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300582412 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 03/3/2011;
- Vốn điều lệ: 30 tỷ đồng;
- Địa chỉ trụ sở chính: 278 đường Lê Lợi, phường Chánh Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Thông tin về Dự án

- a) Hồ sơ thủ tục: Sau khi nghiên cứu tài liệu địa chất và khoáng sản, Công ty Cổ phần khai thác và chế biến graphit Quảng Ngãi đã có Tờ trình số

01/TTr-UBND ngày 28/3/2011 về việc đề nghị cho phép Công ty được khai thác và chế biến quặng graphit tại các chòm thân quặng 20, 30, 40, 50 của mỏ graphit Hưng Nhượng, xã Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh và xã Trà Tân, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi. Phần diện tích xin hoạt động khoáng sản của Công ty nằm ngoài khu vực cấm hoạt động khoáng sản. Trên cơ sở ý kiến của UBND huyện Trà Bồng (Công văn số 339/UBND ngày 13/5/2011), UBND huyện Sơn Tịnh (Công văn số 509/UBND ngày 13/5/2011), Sở Công Thương (Công văn số 467/SCT-CNMT ngày 09/5/2011) và Sở Tài nguyên và Môi trường (Công văn số 554/STNMT ngày 10/5/2011), UBND tỉnh có Công văn số 1386/UBND-NNTN ngày 20/5/2011 gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị Bộ cấp giấy phép hoạt động khoáng sản cho Công ty Cổ phần khai thác và chế biến graphit Quảng Ngãi và Công văn số 1371/UBND-NNTN ngày 23/5/2011 về việc trình tự tổ chức hoạt động khoáng sản graphit tại mỏ Graphit Hưng Nhượng tỉnh Quảng Ngãi.

Đây là mỏ đã được nhà nước đầu tư thăm dò, Báo cáo địa chất kết quả thăm dò sơ bộ của mỏ đã được Hội đồng xét duyệt trữ lượng khoáng sản (nay là Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản) phê duyệt tại Quyết định số 163/QĐ-HĐ ngày 24/5/1986. Căn cứ Quyết định số 06/2006/QĐ-BTNMT ngày 07/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn thì tài liệu trữ lượng của Báo cáo địa chất kết quả thăm dò sơ bộ của mỏ phải được chuyển đổi và trình Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản xem xét công nhận mới đủ cơ sở để lập Dự án đầu tư. Công ty cổ phần khai thác và chế biến Graphit Quảng Ngãi đã lập Báo cáo chuyển đổi cấp trữ lượng và cấp tài nguyên các chòm thân quặng 20, 30, 40 và 50 mỏ Graphit Hưng Nhượng thuộc xã Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh và xã Trà Tân, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi để trình Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản xem xét. Ngày 28/6/2011, Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản có Quyết định số 156/QĐ-HĐTLKS/CD về việc công nhận kết quả chuyển đổi cấp trữ lượng và cấp tài nguyên các chòm thân quặng 20, 30, 40 và 50 mỏ Graphit Hưng Nhượng thuộc xã Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh và xã Trà Tân, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi, với cấp trữ lượng (122) là: 217.000 tấn, cấp tài nguyên (333) là: 1.933.000 tấn; trong đó phần trữ lượng cấp 122 (217.000 tấn), đủ điều kiện để đưa vào thiết kế khai thác (giai đoạn 1), phần tài nguyên (1.933.000 tấn) sẽ được thăm dò nâng cấp trong quá trình khai thác (nếu đủ điều kiện sẽ đưa vào thiết kế khai thác giai đoạn 2).

Căn cứ kết quả trữ lượng được công nhận, để Dự án hoạt động có hiệu quả, Công ty đã lập dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác và tuyển quặng graphit mỏ Graphit Hưng Nhượng xã Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh và xã Trà Tân, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi với công suất khai thác là 42.000 tấn quặng nguyên khai/năm, thời gian hoạt động là 06 năm (giai đoạn 1); đồng thời Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và Dự án cải tạo, phục hồi môi trường (CTPHMT) của Dự án (với quy mô dự án

này, theo quy định tại Điều 59 của Luật Khoáng sản 2010 thì phân thủ tục thực hiện ở cấp tỉnh gồm quyết định phê duyệt hồ sơ về môi trường và Giấy chứng nhận đầu tư dự án).

b) Nội dung về Dự án đầu tư

- Tên Dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác và tuyển quặng graphit mỏ Graphit Hưng Nhượng xã Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh và xã Trà Tân, huyện Trà Bồng.

- Nguồn vốn đầu tư, hình thức đầu tư và quản lý dự án

+ Nguồn vốn đầu tư: Vốn đầu tư cho dự án được tính toán dựa trên nhu cầu đầu tư XDCB, mua sắm thiết bị nguyên, nhiên liệu đầu vào... được chủ đầu tư phê duyệt và quyết định đầu tư. Sử dụng nguồn vốn tự có của Công ty Cổ phần khai thác và chế biến Graphit Quảng Ngãi và vốn vay tín dụng thương mại trong nước.

+ Hình thức đầu tư: Đầu tư xây dựng mới hoàn toàn.

+ Quản lý dự án: Do Công ty Cổ phần khai thác và chế biến Graphit Quảng Ngãi trực tiếp quản lý.

- Diện tích dự kiến sử dụng: Nhu cầu sử dụng đất: 35,28 ha, trong đó:

+ Diện tích khai thác: 11,72ha.

+ Diện tích xây dựng nhà máy tuyển: 5,7ha

+ Diện tích xây dựng hồ lắng xử lý môi trường thân quặng 30 (thuộc Chùm thân quặng 30): 0,66ha.

+ Diện tích xây dựng hồ lắng xử lý môi trường thân quặng 21 (thuộc Chùm thân quặng 20): 0,5ha.

+ Diện tích xây dựng tuyến đường vào bãi thải và bãi thải: 15,38ha.

+ Diện tích xây dựng hồ lắng thân quặng 52 (thuộc Chùm thân quặng 50): 0,46ha;

+ Diện tích xây dựng hồ lắng bãi thải thân quặng 52 (thuộc Chùm thân quặng 50): 0,86ha.

(Phần diện tích nói trên không chồng lấn với khu vực vị trí quy hoạch trung tâm cụm xã Trà Tân, huyện Trà Bồng và được UBND huyện Sơn Tịnh thống nhất vị trí xây dựng nhà máy chế biến, hồ lắng xử lý môi trường tại văn bản số 1473/UBND ngày 10/9/2012; UBND huyện Trà Bồng thống nhất vị trí khai thác của thân quặng 52, bãi thải đất đá, hồ lắng xử lý môi trường tại văn bản số 630/UBND-KT ngày 06/6/2012).

- Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư: Hiện tại, trên cơ sở lựa chọn tổng mặt bằng thì không có các hộ dân sống trong khu vực diện tích dự án. Khi thực hiện dự án Công ty không phải xây dựng quỹ đất và thực hiện công tác tái định cư. Tuy nhiên, để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, Công ty cần chuẩn bị kinh phí cho bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ các hộ có diện tích

trồng cây trên diện tích của Dự án. Theo quy hoạch, tổng mặt bằng được chia làm các khu vực sau:

+ Trong ranh giới mỏ: Toàn bộ trong ranh giới mỏ đang được trồng cây lấy gỗ, trồng sản lấy lương thực, không có các công trình xây dựng, vườn cây trái và các hộ dân sinh sống.

+ Khu xưởng tuyển quặng: Hiện nay tại vị trí dự kiến đặt xưởng tuyển quặng cũng là khu đồi thấp được trồng cây lấy gỗ (cây keo). Không có các công trình xây dựng, vườn cây trái và các hộ dân sinh sống.

+ Khu bãi thải và các hồ lắng: Là sườn đồi và thung lũng phía Bắc chòm thân quặng 50. Khu vực này không có dân cư, không có các công trình xây dựng. Ngay sau khi có được giấy phép khai thác mỏ, Công ty sẽ lập kế hoạch chi tiết bồi thường giải phóng mặt bằng với các hạng mục trên cơ sở tổng mặt bằng được phê duyệt, kết hợp với địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo đúng luật định và các quy định của tỉnh.

Bảng thống kê chi phí bồi thường giai đoạn 1

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	Nội dung bồi thường	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Bồi thường thiệt hại về đất				2.952.600
1	Đất rừng sản xuất	m ²	198.695	4	794.780
2	Đất trồng cây lâu năm	m ²	85.155	14	1.192.170
3	Đất nông nghiệp	m ²	68.600	14	960.400
4	Đất trồng lúa	m ²	350	15	5.250
II	Chi phí hỗ trợ các loại			Tạm tính	7.000.000
	TỔNG CỘNG				9.950.600
	Làm tròn				10.000.000

- Mục tiêu: Sản xuất Cacbon Graphit (đạt từ 95% Cacbon);

- Quy mô: Công suất 42.000 tấn quặng graphit nguyên khai/năm;

- Tổng mức đầu tư của Dự án: 67,19 tỷ đồng;

- Thời gian hoạt động: 06 năm, kể từ khi được cấp Giấy phép khai thác, chế biến. Trong quá trình khai thác, sẽ tiến hành thăm dò nâng cấp trữ lượng của các thân quặng còn lại trong diện tích được cấp phép (đã được công nhận cấp tài nguyên 333), nếu kết quả thăm dò đủ điều kiện sẽ lập hồ sơ xin tiếp tục hoạt động.

- Công nghệ khai thác và tuyển quặng:

+ Công nghệ khai thác: Khai thác lộ thiên, với các thông số của hệ thống khai thác: Chiều cao tầng khai thác $h = 10\text{m}$; Góc nghiêng sườn tầng khai thác: $\alpha = 75^{\circ}$ (trong đá gốc) và 65° (trong đá phong hóa);

+ Công nghệ tuyển: Tuyển nổi (không sử dụng hóa chất độc hại);

- Sử dụng lao động:

TT	Loại công việc	Số người
I	Bộ phận trực tiếp sản xuất	124
1	Công nhân vận hành máy khoan ROC-742HC	4
2	Vận hành khoan con	3
3	Công nhân vận hành máy xúc	10
4	Công nhân vận hành máy gạt	5
5	Công nhân lái xe ô tô chở quặng và đất đá thải	18
6	Vận hành máy khí nén	2
8	Lái xe chở thuốc nổ, vật tư	2
9	Lái xe phun nước	1
10	Lái xe con	1
11	Công nhân nổ mìn, công nhân trắc địa	7
12	Sửa chữa đường mỏ và hệ thống cấp thoát nước	5
13	Phân xưởng sửa chữa cơ điện	26
14	Phân xưởng tuyển quặng	40
II	Gián tiếp	16
Tổng cộng		140 người

3. Đánh giá tác động môi trường:

a) Tác nhân gây ô nhiễm

- Trong giai đoạn xây dựng chủ yếu do san ủi mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng, bóc lớp đất mặt chuẩn bị khai thác mỏ, nước mưa gây ứ đọng, ngập úng và sinh lầy trên khu đất Dự án;

- Trong giai đoạn khai thác, chế biến: Chủ yếu là do các nguyên nhân chính sau: Xe xúc nguyên liệu và các xe vận chuyển nguyên liệu làm phát sinh bụi, khí thải; Bụi phát sinh do hoạt động đào, xúc của các phương tiện cơ giới phục vụ trong mỏ; Nổ mìn phá đá phát sinh bụi tiếng ồn. Máy móc nghiền quặng gây phát sinh tiếng ồn, độ rung; Bụi phát sinh do quá trình nghiền quặng. Bùn thải (quặng đuôi) phát sinh trong các quá trình tuyển quặng: quặng đuôi gồm đất đá có chứa nước; Nhiệt do sấy khô quặng tinh; Bụi từ quá trình đóng gói bao bì; Sự cố tai nạn lao động trong quá trình vận hành máy móc. Nước trong quặng nếu không thu hồi gây ô nhiễm nước mặt; Sự cố vỡ tường – đê bao khu vực bãi thải gây phát tán đất đá quặng đuôi ra môi trường; gió gây phát tán bụi từ khu bãi thải vào mùa khô. Bụi, khí thải tiếng ồn phát sinh từ xe vận tải vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ; Các sự cố về giao thông; Sinh hoạt của khoảng 119 công nhân viên gây phát sinh chất thải rắn, nước thải sinh hoạt.

b) Biện pháp chống ô nhiễm và hạn chế tác động đến môi trường

- Khống chế ô nhiễm bụi: Sử dụng xe phun nước và thiết bị phun nước trong những ngày nắng, gió để hạn chế mức độ ô nhiễm bụi tại mỏ.

- Tạo khoảng cách an toàn để bảo vệ sức khỏe cho nhân dân trong khu

vực dự án, thực hiện khoảng cách an toàn để đảm bảo độ ồn ở khu vực dân cư < 60dB và hàm lượng bụi < 0,5 mg/m³ (đạt tiêu chuẩn môi trường cho phép trong khu dân cư).

- Sử dụng công nghệ tuyển quặng, chế biến hiện đại, thân thiện với môi trường (không sử dụng hóa chất độc hại).

- Trồng các dải cây xanh quanh mỏ chống bụi và tiếng ồn. Cây được trồng theo dạng cuốn chiếu – khu vực nào khai thác xong là hoàn thổ, san ủi đất trồng cây. Đối với khu vực nhà máy và bãi thải quặng đuôi khi kết thúc khai thác mỏ sẽ tháo dỡ công trình, cây xới mặt bằng và trồng cây.

- Đắp đê, đặt cống, tạo hồ lắng ở thung lũng dưới chân các núi trong biên giới để xử lý nước mưa chảy tràn từ mỏ quặng. Trong quá trình khai thác phải có kế hoạch xúc chất rắn trong hồ lắng, khơi thông dòng chảy, cải tạo lòng hồ để phục vụ công tác xử lý nước thải.

- Tất cả nước mặt từ công trường khai thác và khu mặt bằng mỏ được thu gom, lắng đọng bùn đất đạt tiêu chuẩn loại B (theo TCVN 6985-2001): chất rắn lơ lửng chiếm 50-100mg/l. Nước này có thể sử dụng để phun rửa thiết bị, phun tưới chống bụi.

- Công tác cải tạo phục hồi môi trường sau khai thác: Lắp hồ khai thác, với mặt bằng sau khi san lấp đảm bảo thoát nước tự nhiên và trồng cây.

- Lập kế hoạch phòng chống và ứng cứu sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của dự án và trình cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường để theo dõi, kiểm tra.

4. Hiệu quả kinh tế và xã hội của Dự án: Việc đầu tư Dự án đầu tư khai thác và chế biến quặng Graphit tại mỏ Graphit Hưng Nhượng (công suất 42.000 tấn/năm) với tổng mức đầu tư là: 67,19 tỷ đồng sẽ đạt được những hiệu quả như sau:

Bảng Tổng mức đầu tư Dự án (Giai đoạn 1)

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	Hạng mục	Giá trị trước thuế	Thuế VAT	Giá trị sau thuế
1	Chi phí xây dựng	14.140.199	1.414.020	15.554.219
2	Chi phí thiết bị	25.466.960	2.546.696	28.013.656
3	Chi phí thuê đất	10.000.000	-	10.000.000
4	Chi phí quản lý dự án	830.166	83.017	913.183
5	Chi phí tư vấn đầu tư	1.641.276	164.128	1.805.404
7	Chi phí khác	83.175	8.318	91.493
8	Cộng (1+2+3+4+5)	52.161.777	4.216.178	56.377.954
9	Chi phí dự phòng: 10%x(7)	5.216.178	421.618	5.637.795
10	Lãi vay thời kỳ XD CB	5.175.502		5.175.502
TỔNG CỘNG		62.553.456	4.637.795	67.191.251

+ Doanh thu tiêu thụ sản phẩm của toàn mỏ trong 05 năm khai thác (giai đoạn 1) là 246.000.000.000 đồng. Bình quân hàng năm đóng góp vào ngân sách nhà nước là 7.298.335.000 đồng, cụ thể:

STT	Tổng các loại thuế, phí nộp cho nhà nước trung bình hàng năm	1000đ	7.298.335
01	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1000đ	2.244.635
02	Thuế giá trị gia tăng	1000đ	2.533.701
03	Thuế tài nguyên	1000đ	2.460.000
04	Phí môi trường	1000đ	60.000

+ Xây dựng đường giao thông, đường điện, hạ tầng cơ sở ở khu mỏ, địa phương và trong khu vực.

+ Đáp ứng nhu cầu về Graphit cho thị trường, đóng góp, phát triển kinh tế tỉnh Quảng Ngãi và cả nước (*Bột Graphit được dùng làm chất sơn khuôn khi đúc gang và thép hoặc kết hợp với các chất chịu nhiệt khác thành hỗn hợp chịu nhiệt sơn khuôn khi đúc kim loại màu; dùng làm chất tăng cacbon khi nấu luyện gang và thép. Ngoài ra nó là một thành phần quan trọng trong một số vật liệu chịu lửa, hoặc pha vào làm chất độn trong ngành hoá, ngành nhựa....Quặng Graphit ngày càng được sử dụng rộng rãi trong các lĩnh vực công nghiệp, nhu cầu sử dụng trong nước cũng như xuất khẩu ngày càng tăng cao).*

+ Tạo công ăn việc làm cho 140 người lao động và việc làm gián tiếp cho nhiều lao động trong các ngành khác.

+ Đóng góp quỹ phúc lợi hàng năm cho địa phương;

Thực hiện Thông báo kết luận số 541-TB/TU ngày 18/3/2013 của Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, thống nhất chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác và tuyển quặng graphit mỏ Graphit Hưng Nhượng xã Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh và xã Trà Tân, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi với các nội dung trên, làm cơ sở cho Công ty Cổ phần khai thác và chế biến graphit Quảng Ngãi hoàn chỉnh hồ sơ, trình Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép hoạt động khoáng sản theo quy định./.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- CT, PCT(NL)UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường; Công Thương, Xây dựng;
- UBND các huyện: Sơn Tịnh, Trà Bồng;
- VPUB: CVP, PCVP(NL), CB-TH;
- Lưu:VT, NN-TN(TV322).

